

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000389

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A302**

Số SV có mặt: **24**...
Số bài thi: **24**...
Số tờ giấy thi: **24**...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Ng. G. Khải</i>	<i>Hoàng TT</i>	<i>P. V. M.</i>	<i>Đ. Văn</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110009	NGUYỄN KIM HOÀNG ANH	01/10/2003	CCQ2111A		132	<i>h</i>	50	20	32	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121110048	NGUYỄN THỊ KIM CHI	28/04/2003	CCQ2111B		209	<i>K.S</i>	70	38	51	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121110615	NGUYỄN VĂN CHIẾN	15/05/2003	CCQ2111A				CT			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121110061	NGUYỄN THÀNH CÔNG	25/01/2003	CCQ2111B				CT			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121110024	VÕ VĂN CƯỜNG	30/08/2001	CCQ2111A				CT			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121110375	TRẦN MINH DŨNG	18/08/2003	CCQ2111A		352	<i>Dũng</i>	58	41	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
7	2120110248	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	11/06/2002	CCQ2011H		485	<i>Đạt</i>	64	29	43	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121110063	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	06/05/2003	CCQ2111B		132	<i>Đạt</i>	64	39	49	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
9	2121110017	NGUYỄN TRƯỜNG BÁ ĐẠT	31/07/2003	CCQ2111A				CT			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121110062	TRẦN VĂN ĐĂNG	08/11/2003	CCQ2111B		209	<i>Đăng</i>	58	38	46	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121110393	VŨ VĂN ĐỊNH	06/01/2003	CCQ2111B		485	<i>Định</i>	61	36	46	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121110018	NGUYỄN LÊ ĐỨC	12/07/2001	CCQ2111A		132	<i>Đức</i>	68	25	42	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121110361	TRẦN ĐỖ TRƯỜNG GIANG	12/06/2003	CCQ2111A		209	<i>giang</i>	75	65	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
14	2121110006	TẠ NGỌC HẢI	26/07/2003	CCQ2111A		357	<i>Hải</i>	77	41	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121110002	VĂN NGỌC HẢI	28/11/2003	CCQ2111A		485	<i>Hải</i>	82	34	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121110353	PHẠM PHÚC HÂN	19/07/2003	CCQ2111B		132	<i>Hân</i>	76	26	46	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121110023	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	18/07/2003	CCQ2111A				CT			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121110034	TRƯƠNG SỸ HOÀNG	21/02/2003	CCQ2111A		209	<i>Sỹ</i>	71	43	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121110060	NGUYỄN CAO HÙNG	30/04/2003	CCQ2111B		357	<i>Hùng</i>	67	26	42	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121110358	PHẠM CÔNG HÙNG	02/04/2003	CCQ2111A		357	<i>Hùng</i>	68	35	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000389

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A302**

Số SV có mặt: **24**

Số bài thi: **24**

Số tờ giấy thi: **24**

Cán bộ coi thi 1  Ng. G. Nhân	Cán bộ coi thi 2  Hoàng Tiên	G.Viên chấm thi 1  P. V. M. P. V. M.	G.Viên chấm thi 2  P. V. M. P. V. M.
--	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110352	ĐỖ QUỐC HUY	03/12/2003	CCQ2111A		485	Huy	92	80	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121110064	ĐOÀN MINH HƯNG	20/10/2003	CCQ2111B		132	Hung	63	29	43	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121110005	HOÀNG NHÂN KHẢI	20/12/2002	CCQ2111A		209	Khải	56	26	38	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121110020	TRẦN ĐÌNH KHANG	27/06/2002	CCQ2111A		357	Khang	51	38	43	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121110351	NGUYỄN CÔNG TUẤN KHANH	30/11/2003	CCQ2111A		485	Khánh	72	50	59	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121110057	NGUYỄN CÔNG KHÁNH	08/11/2003	CCQ2111B		132	OK	64	33	45	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121110014	NGUYỄN DUY KHÁNH	04/06/2003	CCQ2111A		209	Khánh	70	31	47	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121110016	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	31/10/2003	CCQ2111A		357	Kh	67	61	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121110065	NGUYỄN THÀNH KHOA	28/02/2003	CCQ2111B		485	Kh	55	26	38	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121110028	NGUYỄN BẢO LÂM	25/08/2001	CCQ2111A				CT			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A304**

Mã nhận dạng: 000390

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Lý N. Ngọc Thảo</i>	<i>L.N</i>	<i>P.V. N.P.</i>	<i>Đ. Văn</i>

Số SV có mặt: **27**
Số bài thi: **27**
Số tờ giấy thi: **27**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110013	TẠ VĨNH LỘC	01/01/2003	CCQ2111A		485	<i>Lo</i>	56	27	38	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120110087	TRẦN THANH LỘC	02/02/2002	CCQ2011C		357	<i>Lo</i>	65	44	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121110026	NGÔ TRẦN CHÍ MINH	24/11/2003	CCQ2111A				CT			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110011	TRẦN QUANG MINH	01/02/2003	CCQ2111A		132	<i>Lo</i>	64	39	49	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121110031	TRƯƠNG THỊ THU NGÀ	02/01/2003	CCQ2111A		485	<i>Ngà</i>	74	51	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121110054	NGUYỄN THUẬN PHÁT	20/09/2003	CCQ2111B		357	<i>Phat</i>	74	48	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120110358	NGUYỄN HUỲNH TẤN PHONG	05/08/2002	CCQ2011G		209	<i>Phong</i>	77	41	55	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121110052	LÊ ĐỨC PHÚ	08/09/2003	CCQ2111B		132	<i>Phu</i>	52	44	47	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121110038	NGUYỄN THỊ THÚY PHƯỢNG	17/09/2003	CCQ2111B		485	<i>Phu</i>	71	41	53	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121110019	TRẦN THANH QUANG	26/11/2003	CCQ2111A		357	<i>Quang</i>	67	38	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121110003	TRẦN THANH SANG	06/03/2003	CCQ2111A		209	<i>Sang</i>	52	30	39	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121110055	THỐI ANH TÀI	27/11/2003	CCQ2111B		132	<i>Tai</i>	57	49	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121110044	LÂM NHẬT TÂN	12/07/2003	CCQ2111B		485	<i>Tan</i>	80	46	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110067	VÕ DUY TÂN	31/03/2003	CCQ2111B		357	<i>Tan</i>	49	43	45	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121110010	HUỲNH HỮU THIÊN	27/05/2001	CCQ2111A		209	<i>Thien</i>	75	53	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121110040	BÙI THỊ HỒNG THOM	28/10/2003	CCQ2111B		132	<i>Thom</i>	69	51	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121110070	NGUYỄN THỊ MỸ THUẬN	21/04/2003	CCQ2111B		485	<i>Thuan</i>	70	37	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121110021	TRẦN THỊ THANH THỦY	09/08/2001	CCQ2111A		357	<i>Thuy</i>	66	32	46	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121110039	PHẠM VĂN TÍN	03/12/2003	CCQ2111B				CT			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121110035	PHÙNG NGỌC TOÀN	07/12/2003	CCQ2111A		132	<i>Toan</i>	64	38	48	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000390

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A304**

Số SV có mặt: **27**

Số bài thi: **27**

Số tờ giấy thi: **27**

Cán bộ coi thi 1 <i>ly n. ngoc thao</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>LTH</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>P.V.A.</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phan Anh</i>
--	--------------------------------	------------------------------------	--------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110007	NGUYỄN THÀNH TRÍ	11/08/2003	CCQ2111A		485	<i>sn</i>	84	63	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120110103	LÊ QUỐC TRUNG	25/01/2002	CCQ2011C		357	<i>Tung</i>	60	26	40	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121110043	NGUYỄN QUỐC TRUNG	16/07/2003	CCQ2111B		209	<i>Trung</i>	64	44	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121110025	VƯƠNG LÊ TRUNG	15/09/2003	CCQ2111A		132	<i>Trung</i>	74	46	57	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121110015	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	28/03/2003	CCQ2111A		485	<i>Truong</i>	67	43	53	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121110032	PHẠM HỮU TỬ	07/06/2003	CCQ2111A		357	<i>Tu</i>	59	36	45	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121110066	ĐOÀN QUỐC VIỆT	24/08/2003	CCQ2111B				CT			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121110046	TRỊNH QUỐC VIỆT	02/09/2003	CCQ2111B		132	<i>Viet</i>	52	44	47	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121110068	NGUYỄN ĐỨC VINH	05/05/2003	CCQ2111B		185	<i>Vinh</i>	56	30	40	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121110058	PHAN PHÚ YÊN	30/05/2003	CCQ2111B		357	<i>Yen</i>	73	33	49	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A206**

Mã nhận dạng: 000391

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

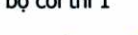
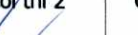
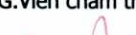
Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Phước</i>	<i>Thước</i>	<i>Phước</i>	<i>Thước</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110369	NGUYỄN ĐĂNG BẢO	17/04/2003	CCQ2111F		209	<i>Bảo</i>	85	35	55	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121110143	NGUYỄN QUỐC BẢO	09/06/2003	CCQ2111E				0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121110178	VÕ NGỌC CHÍ	04/12/2003	CCQ2111F				0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2118110178	VÕ SĨ CƯỜNG	18/09/2000	CCQ1811C		132	<i>Cường</i>	64	29	43	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121110174	LÊ THỊ NGỌC DIỆU	03/06/2003	CCQ2111E		209	<i>Diệu</i>	84	50	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121110183	BÙI VĂN ĐẠT	16/04/2003	CCQ2111F		357	<i>Đạt</i>	97	33	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121110201	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	11/03/2003	CCQ2111F		485	<i>Đạt</i>	52	27	37	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121110190	NGUYỄN BÁCH ĐOAN	19/11/2003	CCQ2111F		132	<i>Đoan</i>	74	39	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120220003	LÊ GIỐNG	18/09/2002	CCQ2022A		209	<i>Giống</i>	66	46	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121110164	HOÀNG THU HẰNG	14/12/2003	CCQ2111E		357	<i>Hàng</i>	67	21	39	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121110152	TRẦN THIÊN TRUNG HIẾU	19/06/2003	CCQ2111E		485	<i>Hiếu</i>	75	33	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121110175	LÊ MINH HOÀNG	08/12/2003	CCQ2111E		132	<i>Hoàng</i>	69	35	49	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121110141	PHẠM ĐỨC HÙNG	26/09/2003	CCQ2111E		209	<i>Hùng</i>	57	34	43	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121110356	MẠC QUỐC HUY	14/05/2003	CCQ2111E		357	<i>Huy</i>	90	33	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121110182	NGUYỄN THANH HUY	04/05/2003	CCQ2111F		485	<i>Huy</i>	81	29	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121110158	ĐINH THỊ THANH HUYỀN	11/10/2003	CCQ2111E		132	<i>Huyền</i>	99	46	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121110142	NGUYỄN HẢI HƯNG	25/08/2003	CCQ2111E		209	<i>Hưng</i>	68	33	47	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121110180	VÕ VŨ QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2111F				66			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121110210	ĐƯƠNG THÀNH KHÔI	29/10/2003	CCQ2111F				10			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121110189	LÊ KHẮC LỘC	17/10/2003	CCQ2111F		132	<i>Loc</i>	71	36	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 # T. B. Phước	 # T. B. Phước	 # T. B. Phước	 # T. B. Phước

Phòng thi: **A206**

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110179	BÁ QUANG LUÂN	05/02/2003	CCQ2111F		209		74	77	52	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121110169	DƯƠNG HỒNG LUYẾN	12/10/2002	CCQ2111E		357		85	43	60	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121110185	NGUYỄN TIẾN MƯỜI	12/07/2003	CCQ2111F		415		73	36	51	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121110162	CÙ THANH NAM	22/06/2003	CCQ2111E		132		77	38	54	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120110271	ĐÌNH TẤN NAM	25/12/2002	CCQ2011H		209		76	32	50	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: 000392

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1 <i>Shake</i> <i>Nguyễn Kiều Đan</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>K</i> <i>Nguyễn Thị</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>P.V. M.</i>
--	---	--	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110186	HUỖNH NGUYỄN TUYẾT NGHI	06/08/2003	CCQ2111F		132	<i>Ng</i>	92	56	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110188	DƯƠNG TRỌNG NGHĨA	15/12/2003	CCQ2111F		209	<i>QL</i>	53	37	43	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120110252	KIỀU TÂY NGUYỄN	14/02/2002	CCQ2011H		485	<i>Nguyễn</i>	93	85	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110191	NGUYỄN THANH NGUYỄN	20/07/2003	CCQ2111F		357	<i>Thanh</i>	82	31	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121110173	HUỖNH THỊ YẾN NHUNG	10/08/2003	CCQ2111E		132	<i>Th</i>	93	59	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121110168	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	06/11/2003	CCQ2111E		209	<i>Oanh</i>	97	41	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121110184	PHẠM VĂN PHƯỚC	17/11/2002	CCQ2111F		357	<i>Ph</i>	62	31	43	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120110256	ĐÀO THÀNH QUAN	17/07/2002	CCQ2011H				09			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120110296	TRẦN THANH QUANG	26/05/2002	CCQ2011I		132	<i>Qu</i>	65	23	40	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121110207	HOÀNG TRỌNG QUỐC	19/07/2003	CCQ2111F		209	<i>Qu</i>	82	30	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121110195	VŨ ĐÌNH SON	04/01/2003	CCQ2111F		357	<i>Son</i>	93	45	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121110176	HÀ VĂN TÂM	13/12/2002	CCQ2111F				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121110160	NGUYỄN HỮU TÂM	14/05/2003	CCQ2111E				27			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110192	NGUYỄN NGỌC THÁI	08/06/2003	CCQ2111F				03			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121110198	ĐỖ CHÍ THANH	08/08/2003	CCQ2111F		357	<i>Thanh</i>	83	58	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121110150	NGUYỄN THÀNH THẮNG	20/03/2000	CCQ2111E		485	<i>Th</i>	68	77	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121110167	VŨ HOÀNG THẮNG	26/02/2001	CCQ2111E		132	<i>Th</i>	73	53	61	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121110194	HỒ MINH THUẬN	29/10/2003	CCQ2111F				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121110200	HÀ NGỌC TIẾN	10/01/2003	CCQ2111F		209	<i>Tiến</i>	87	52	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120110306	PHẠM QUỐC TÍNH	14/04/1999	CCQ2011I		132	<i>Ph</i>	87	33	55	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000392

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-26**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Huyền</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Minh</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>P. Văn</i>
----------------------------------	---------------------------------	--	------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110204	HUỲNH THỊ BẢO TRÂN	29/05/2002	CCQ2111F		485	<i>Huyền</i>	99	58	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121110197	PHẠM MINH TRÍ	11/04/2003	CCQ2111F		357	<i>Minh</i>	74	47	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120110102	ĐẶNG THÀNH TRỌNG	26/07/2002	CCQ2011C		209	<i>Trọng</i>	76	41	55	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119110030	PHAN NGUYỄN QUỐC TRUNG	20/02/2001	CCQ1911A				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121110154	NGUYỄN THỊ THÚY VI	28/11/2003	CCQ2111E		132	<i>Thúy</i>	88	32	54	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000393

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 05**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: **25**

Số bài thi: **25**

Số tờ giấy thi: **25**

Cán bộ coi thi 1 <i>Phúc</i> <i>TPDP Phúc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>H</i> <i>Bùi T.T. Hoàng</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phúc</i> <i>Đan Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phúc</i> <i>Phúc</i>
---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110303	ĐOÀN VIỆT ANH	27/07/2003	CCQ2111I				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121110281	ĐÀO HUY BẮC	18/11/2003	CCQ2111I		132	Bắc	78	51	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121110321	TẠ XUÂN BẮC	13/05/2003	CCQ2111J		485	Bắc	88	67	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121110297	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	19/01/2003	CCQ2111I		357	Chm	50	37	42	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121110342	TRẦN ĐĂNG CHUNG	15/02/2003	CCQ2111J		209	Chung	62	35	46	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121110305	CHÂU THIÊN CƯỜNG	07/01/2003	CCQ2111I		357	Cuong	57	38	46	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121110290	LÊ TẤN CƯỜNG	27/06/2003	CCQ2111I		485	T. Cường	85	48	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121110316	NGUYỄN THÀNH DŨNG	23/09/2003	CCQ2111J		132	Dung	69	62	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121110298	TRẦN KHÁNH DUY	13/01/2003	CCQ2111I		209	Duy	98	49	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
10	2121110313	NGUYỄN ANH DƯƠNG	09/06/2003	CCQ2111I		357	Duong	87	25	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121110339	TRẦN THUY QUỲNH DƯƠNG	29/07/2003	CCQ2111J		209	Duong	88	46	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121110329	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	26/09/2003	CCQ2111J				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121110367	LÂM TẤN ĐẠT	04/02/2003	CCQ2111I		132	Dat	79	28	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121110284	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN ĐẠT	29/10/2003	CCQ2111I				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121110286	LÊ CHẤN ĐÔNG	04/03/2003	CCQ2111I				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121110293	LÊ MINH GIÀU	26/07/2003	CCQ2111I		485	Giàu	70	34	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121110374	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	19/01/2003	CCQ2111I		357	Hung	84	36	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121110347	LÊ VĂN HẬU	06/06/2003	CCQ2111J		209	Hau	66	59	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121110308	NGUYỄN TRẦN TIẾN HIỆP	26/12/2003	CCQ2111I		132	Hiep	99	91	95	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121110296	PHAN ĐÌNH HIẾU	30/09/2003	CCQ2111I		485	Hieu	82	70	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000393

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 05**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1 <i>Phúc TPĐ phúc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Bác P.T. Thuý</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phúc TPĐ phúc</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>P.V. K</i>
--	--	---	------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110345	NGUYỄN VŨ HÒA	08/06/2003	CCQ2111J							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121110304	BÙI NGỌC HỘI	29/01/2003	CCQ2111I		485	<i>hau</i>	78	46	59	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121110299	LƯƠNG HỮU KHÁNH	21/07/2003	CCQ2111I		132	<i>thanh</i>	61	77	47	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121110324	NGUYỄN CHÍ ANH	14/10/2003	CCQ2111J		209	<i>khôi</i>	91	83	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121110349	NGUYỄN TRUNG KIÊN	06/08/2003	CCQ2111J		357	<i>kiên</i>	96	56	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121110318	NGUYỄN VĂN KIẾT	11/03/2003	CCQ2111J		485	<i>gi</i>	80	66	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121110307	TRẦN DUY LÂM	28/11/2003	CCQ2111I		132	<i>nm</i>	83	55	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121110335	NGUYỄN HOÀNG HOÀI LINH	16/07/2003	CCQ2111J		357	<i>linh</i>	73	31	48	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120110318	NGUYỄN HỒ HOÀI LINH	12/10/2000	CCQ2011J		209	<i>linh</i>	53	30	39	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121110285	NGUYỄN ANH LONG	31/05/2003	CCQ2111I		185	<i>anh</i>	78	45	58	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 05**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

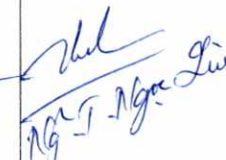
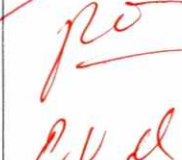
Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A205**

Mã nhận dạng: 000394

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121170412	VĂN THÀNH LỘC	14/03/2003	CCQ2111J				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121110302	NGUYỄN TRẦN VĨNH	11/05/2003	CCQ2111I		209		87	58	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120110251	CHU HOÀNG	19/06/2002	CCQ2011H		357		90	35	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121110322	NGUYỄN THÀNH	27/12/2003	CCQ2111J		485	Nam	64	53	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2119220004	TRẦN LÂM PHƯƠNG	06/02/2000	CCQ1922A		132		72	25	44	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121110315	LÊ KIM	07/03/2003	CCQ2111I		209		77	77	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121110332	HỒ TRUNG	12/05/2003	CCQ2111J		485	Nhan	48	21	32	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121110366	NGUYỄN VĂN	25/02/2003	CCQ2111J		357	Nhan	59	27	40	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120110273	TRỊNH NGỌC	10/08/2001	CCQ2011H		209		64	35	47	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121110333	LÊ HỒNG NGỌC	15/06/2003	CCQ2111J				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120030166	PHẠM VĂN	30/07/2002	CCQ2011F		685		74	43	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121110289	PHAN ANH	05/05/2003	CCQ2111I		357		83	59	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
13	2121110314	NGUYỄN VI	02/05/2003	CCQ2111I		132		78	34	52	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121110341	NGUYỄN CAO	26/07/2003	CCQ2111J		209		70	68	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
15	2121110323	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	15/12/2003	CCQ2111J		357		66	42	52	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121110331	LÊ NGỌC	09/09/2003	CCQ2111J		485		75	42	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120110304	NGUYỄN CÔNG	05/01/2002	CCQ2011I		132		70	38	51	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121110330	TRẦN LÊ	11/05/2003	CCQ2111J		209		84	38	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2119110093	ĐÀO VĂN	26/02/2001	CCQ1911C		485		55	35	43	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121110326	TRẦN VĂN	22/11/2003	CCQ2111J		357		78	40	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 05**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A205**

Mã nhận dạng: 000394

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120110264	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	10/06/2002	CCQ2011H		209		60	44	50		
22	2121110327	PHAN NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	25/11/2003	CCQ2111J		132		80	45	59		
23	2121110291	PHAN ĐỖ ANH	12/08/2003	CCQ2111I		485		86	62	72		
24	2121110294	PHAN ANH	13/08/2003	CCQ2111I		357		89	71	78		
25	2121110343	NGUYỄN THANH	02/11/2003	CCQ2111J		132		72	35	50		
26	2121110320	NGUYỄN THANH	30/06/2003	CCQ2111J		209		82	32	52		
27	2121110328	NGUYỄN VĂN VINH	16/03/2003	CCQ2111J		357		80	35	53		
28	2119110203	ĐỒNG QUANG	06/02/2001	CCQ1911F		485		98	47	67		
29	2121110317	NGUYỄN HOÀNG	26/05/2003	CCQ2111J		132		92	49	66		
30	2121110336	NGUYỄN THẾ VỸ	01/04/2003	CCQ2111J								